

Số: 43

Ngày 02/11/2020

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong thời gian tạm ngừng kinh doanh.
- Phạt đến 60 triệu đồng đối với hành vi tẩu tán hàng hóa để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm sát hải quan.
- Chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.
- Phấn đấu đến 2025, đào tạo khoảng 4.200 lượt người làm truyền hình tiếng dân tộc thiểu số.

- Chế độ quản lý Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.
- Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.
- Trước ngày 31/12/2024, vận hành cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Hóa đơn điện tử là gì?
- Khi nào phải chuyển đổi hóa đơn/chứng từ điện tử thành hóa đơn/chứng từ giấy?
- Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế phải đảm bảo những nguyên tắc gì?
- Đăng ký sử dụng biên lai điện tử như thế nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. NGƯỜI NỘP THUẾ KHÔNG PHẢI NỘP HỒ SƠ KHAI THUẾ TRONG THỜI GIAN TẠM NGỪNG KINH DOANH

Ngày 19/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 126/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, trừ nội dung quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, áp dụng hoá đơn, chứng từ, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hoá đơn, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Theo đó, thời gian tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông tin đăng ký tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã cho cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua hệ thống trao đổi thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong thời hạn 01 ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Người nộp thuế cần chú ý những quyền và nghĩa vụ sau trong thời gian tạm ngừng hoạt động, kinh doanh: người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh không trọn tháng, quý, năm dương lịch hoặc năm tài chính thì vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế tháng, quý; hồ sơ quyết toán năm; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán tạm ngừng hoạt động, kinh doanh được cơ quan thuế xác định lại nghĩa vụ thuế khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; người nộp thuế không được sử dụng hóa đơn và không phải nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Trường hợp người nộp thuế được cơ quan thuế chấp thuận sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn thì phải nộp hồ sơ khai thuế, nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định; người nộp thuế phải chấp hành các quyết định, thông báo của cơ quan quản lý thuế về đơn đốc thu nợ, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế và xử lý hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế.

Ngoài ra, Chính phủ cũng hướng dẫn nhiều nội dung quan trọng khác liên quan đến khai thuế, tính thuế; Hoàn thuế; Khoanh tiền thuế nợ; Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; Cưỡng chế thi hành

quyết định hành chính về quản lý thuế...

Nghị định có hiệu lực từ ngày 05/12/2020.

2. PHẠT ĐẾN 60 TRIỆU ĐỒNG ĐỐI VỚI HÀNH VI TẨU TÁN HÀNG HÓA ĐỂ TRỐN TRÁNH SỰ KIỂM TRA, KIỂM SÁT HẢI QUAN

Ngày 19/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 128/2020/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. Nghị định này quy định hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại Nghị định này bao gồm: vi phạm các quy định của pháp luật về thủ tục hải quan; vi phạm các quy định của pháp luật về kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; vi phạm các quy định của pháp luật khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh xảy ra trong lĩnh vực hải quan thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan không được quy định tại Nghị định này mà được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì bị xử

phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các văn bản đó.

Cụ thể, phạt từ 40 - 60 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau: Bóc dỡ hàng hóa không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hóa, vận tải đơn; Xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không được sự đồng ý của cơ quan hải quan; Tẩu tán, tiêu hủy hoặc vứt bỏ hàng hóa để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Vận chuyển phế liệu vào Việt Nam cho người nhận hàng trên Bản lược khai hàng hóa không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu mà không có văn bản chỉ định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 30 - 50 triệu đồng.

Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi không khai bổ sung về trị giá hải quan theo quy định mà bị phát hiện khi kiểm tra, thanh tra đối với trường hợp hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các điều khoản điều chỉnh cộng vào giá trị hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan...

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: đối với

vi phạm hành chính là hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm; quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu không đúng hoặc số tiền thuế trốn, số tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế. Thời hiệu xử phạt đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 10/12/2020.

3. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

Ngày 27/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 129/2020/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (DATC).

Mô hình tổ chức, quản lý, người đại diện theo pháp luật của DATC thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của DATC. DATC có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại

tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

DATC có các chức năng, nhiệm vụ sau: hỗ trợ tái cơ cấu, sắp xếp chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua hoạt động tiếp nhận, mua, xử lý nợ và tài sản. Mua, xử lý các khoản nợ và tài sản trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc sau: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại DATC; ưu tiên tập trung nguồn lực của DATC để hỗ trợ tái cơ cấu, sắp xếp chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua hoạt động tiếp nhận, mua, xử lý nợ và tài sản; tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động mua, bán, xử lý nợ và tài sản theo cơ chế thị trường.

Ngành nghề kinh doanh chính gồm: tiếp nhận nợ và tài sản theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa theo quy định của Chính phủ để xử lý theo quy định tại Nghị định này; tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, gồm: nợ phải thu và các tài sản (bao gồm cả các tài sản tồn đọng, các tài sản gắn với xử lý nợ theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) để tiếp tục đầu tư khai thác hoặc xử lý, thu hồi vốn cho Nhà nước theo quy định tại Nghị định này. Mua, xử lý nợ và tài sản, gồm: quản lý, sử dụng chủ yếu nguồn lực tài chính của công ty để thực hiện mua, xử lý các khoản nợ và tài sản theo chỉ định của Chính

phủ, Thủ tướng Chính phủ; mua, xử lý các khoản nợ và tài sản của các tổ chức, cá nhân không trùng lặp với mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua, bán, xử lý nợ.

Cụ thể, Công ty Mua bán nợ Việt Nam được mua các khoản nợ trong nước và nước ngoài, tài sản của các tổ chức, cá nhân thông qua một trong ba hình thức sau: mua theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thỏa thuận trực tiếp với chủ nợ, chủ tài sản; tham gia đấu thầu, đấu giá mua nợ và tài sản.

Các khoản nợ được Công ty Mua bán nợ Việt Nam xử lý, tiếp nhận bằng các hình thức: thu hồi nợ trực tiếp, từ bên nợ và các bên có liên quan bằng tiền, tài sản, các công cụ nợ; nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bên nợ sang bên thứ ba; chuyển nợ thành vốn góp tại doanh nghiệp; cơ cấu lại nợ bằng cách điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, điều chỉnh lãi suất khoản nợ; thu nợ có chiết khấu...

Doanh nghiệp tái cơ cấu do Công ty Mua bán nợ Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ có phương án sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng vốn khả thi và hiệu quả thì được xem xét hỗ trợ. Công ty Mua bán nợ Việt Nam có thể xem xét chuyển nhượng vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp; chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2020.

4. PHẤN ĐẤU ĐẾN 2025, ĐÀO TẠO KHOẢNG 4.200 LƯỢT NGƯỜI LÀM TRUYỀN HÌNH TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Ngày 26/10/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1659/QĐ-TTg về việc phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ tăng cường năng lực sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc giai đoạn 2021 – 2025.

Theo đó, phê duyệt mục tiêu, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chính sách dân tộc, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.

Cụ thể, nâng tổng thời lượng phát sóng trên 4 kênh VTV5, VTV5 Tây Nam Bộ, VTV5 Tây Nguyên và VTV5 Tây Bắc lên 96 giờ/ngày (mỗi kênh 24 giờ/ngày), trong đó tổng thời lượng sản xuất chương trình mới của 4 kênh đến năm 2025 là 13 giờ 30 phút/ngày/4 kênh. Nâng tổng số ngôn ngữ sản xuất, phát sóng lên 27 (tăng 04 ngôn ngữ so với hiện nay) gồm: H'Mông, Thái, Dao, Mường, Sán Chí, Ê Đê, Jơ Rai, Ba Na, Xê Đăng, Jẻ Triêng, Raglai, K'Ho, S'Tiêng, Chăm, Khmer, Pa Cô - Vân Kiều, Cơ Tu, Cao Lan, Hà Nhì, H'Rê, Chu Ru, Chơ Ro, M'Nông, Tày, Hoa, Ca Dong và

tiếng Việt. Phần đầu đến năm 2025 có khoảng 4.200 lượt người làm truyền hình tiếng dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ.

Để đạt được những mục tiêu trên, Thủ tướng yêu cầu xây dựng, sản xuất các chương trình truyền truyền sâu rộng về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

nước, đặc biệt là các chủ trương chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; tăng thời lượng sản xuất các chuyên mục: tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật, văn hóa văn nghệ, khuyến nông - khuyến ngư, gương người tốt việc tốt... để phát sóng trên các kênh VTV5.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 26/10/2020.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Ngày 21/10/2020, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư 01/2020/TT-VPCP quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Theo đó, Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ là Hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo, cung cấp số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Văn phòng Chính

phủ và cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Khi thực hiện gửi báo cáo trên Hệ thống yêu cầu các cơ quan gửi báo cáo thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo yêu cầu. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung thông tin, số liệu theo yêu cầu trong trường hợp cơ quan nhận báo cáo trả lại trên Hệ thống. Các cơ quan nhận báo cáo kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến, duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền. Kịp thời trả lại và yêu cầu cơ quan gửi báo cáo điều chỉnh, bổ sung đối với những báo cáo không bảo đảm tính đầy đủ, chính xác.

Hệ thống thông tin báo cáo có chức năng như sau: quản lý báo cáo về tổ chức các cuộc họp; quản lý báo cáo kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo và triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương; các phân hệ phần mềm báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất khác do Văn phòng Chính phủ chủ trì xây dựng...

Ngoài ra, báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được thực hiện 06 tháng và hằng năm. Quý I, quý II, quý III và hằng năm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng từ các cơ quan, đơn vị trực thuộc và gửi báo cáo Văn phòng Chính phủ chậm nhất vào ngày 22 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo...

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2020.

6. QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Ngày 26/10/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Theo đó, chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập bao gồm: Giảng viên cao cấp (hạng I) – Mã số V.07.01.01; Giảng viên chính (hạng II) – Mã số V.07.01.02; Giảng viên (hạng III) – Mã số V.07.01.03; Trợ giảng (hạng III) – Mã số V.07.01.03.

Cụ thể, tiêu chuẩn đối với giảng viên chính như sau: có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy; có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu

chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính; có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; chủ trì thực hiện ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Giảng viên chính có nhiệm vụ: giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định; chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học; chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học...

Chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00; Chức danh nghề nghiệp giảng viên chính được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78; Chức danh nghề nghiệp

giảng viên và trợ giảng được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ 2,34 đến 4,98.

Tiêu chuẩn đối với giảng viên cao cấp như sau: có bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy; có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I); có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành. Giảng viên cao cấp có nhiệm vụ: Giảng dạy; hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ. Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học. Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho khoa, nhóm chuyên môn. Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội

thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học....

Việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định của pháp luật. Không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trừ trường hợp viên chức giảng dạy được công nhận hoặc bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định của luật chuyên ngành.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12/12/2020.

7. TRƯỚC NGÀY 31/12/2024, VẬN HÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TOÀN QUỐC

Ngày 26/10/2020, Bộ Tư pháp ra Quyết định 2168/QĐ-BTP về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

Theo đó, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Công nghệ thông tin tổ chức thực hiện dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử sau khi chủ trương đầu tư được phê duyệt. Dự án được triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt, bố

trí vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025. Trước ngày 31/12/2024, cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc được xây dựng, hoàn thiện, vận hành trên toàn quốc.

Ngoài ra, sau khi Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc được xây dựng, hoàn thiện, vận hành trên toàn quốc, Cục Công nghệ thông tin có nhiệm vụ xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Đồng thời, Cục Công nghệ thông tin và Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực tổ chức các cuộc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu trong năm 2021 và các năm tiếp theo phù hợp tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Quy chế khai

thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử...

Các đơn vị trên cũng có nhiệm vụ phối hợp với Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, các Sở Tư pháp hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản trị, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 26/10/2020.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Để vận hành các dịch vụ công trực tuyến cũng như các tiện ích trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia có hiệu quả và an toàn, Văn phòng Chính phủ đã xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Hiện dự thảo đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và đông đảo người dân trong và ngoài nước trước khi ban hành.

Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoạt động dựa trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật về

kiểm soát thủ tục hành chính, giao dịch điện tử, an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước và các quy định khác có liên quan, bảo đảm việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, dịch vụ công trực tuyến được thông suốt, tiết kiệm, an toàn, hiệu quả; việc tổ chức thông tin theo hướng lấy người dùng làm trung tâm, bảo đảm chính xác, rõ ràng, được cập nhật liên tục, trình bày khoa học, dễ tiếp cận và truy cập, khai thác trong mọi thời điểm; luôn được kết nối thông suốt với Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ/tỉnh bảo đảm vận hành 24 giờ/tuần; việc tham gia quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng bảo đảm đúng thẩm quyền, trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Theo dự thảo, Cổng Dịch vụ công Quốc gia cung cấp 11 loại thông tin như sau: thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quyết định công bố thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan; hướng dẫn hỏi đáp thực hiện thủ tục; thông báo về tiếp nhận, trả kết quả, hướng dẫn hoàn thiện, bổ sung hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận, phản ánh kiến nghị trong thực hiện thủ tục; đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính và khảo sát sự hài lòng khi thực hiện; báo cáo số liệu, thống kê liên quan; thông tin các cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, đường dây nóng, tổng đài hỗ trợ; thanh toán phí, lệ phí không sử dụng tiền mặt; dịch vụ bưu chính công ích trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thủ tục hành chính; điều khoản sử dụng; các thông tin khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng

Phát triển Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cập nhật và công khai dữ liệu thủ tục hành chính theo quy trình sau: sử dụng tài khoản cấp cao để phân quyền cho công chức, viên chức cập nhật, công khai dữ liệu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (địa chỉ: <https://csdl.dichvucong.gov.vn>) thông qua tài khoản đã được phân quyền; cập nhật Quyết định công bố và thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; kiểm tra, rà soát, đối chiếu để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu thủ tục hành chính; công khai Quyết định công bố thủ tục hành chính, thủ tục hành chính đã được cập nhật trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; bổ sung cách thức thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện, đã được cung cấp tại Cổng dịch vụ công cấp Bộ.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Hóa đơn điện tử là gì?

Trả lời: Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020 có quy định hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp

dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế, trong đó:

- Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua. Mã

của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử bao gồm số giao dịch là một dãy số duy nhất do hệ thống của cơ quan thuế tạo ra và một chuỗi ký tự được cơ quan thuế mã hóa dựa trên thông tin của người bán lập trên hóa đơn.

- Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử do tổ chức bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ gửi cho người mua không có mã của cơ quan thuế.

2. Hỏi: Khi nào phải chuyển đổi hóa đơn/chứng từ điện tử thành hóa đơn/chứng từ giấy?

Trả lời: Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020 có quy định hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử hợp pháp được chuyển đổi thành hóa đơn, chứng từ giấy khi có yêu cầu nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra và theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và điều tra.

3. Hỏi: Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế phải đảm bảo những nguyên tắc gì?

Trả lời: Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020 có quy định hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đảm bảo nguyên tắc sau:

- Nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế;

- Không bắt buộc có chữ ký số;

- Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

4. Hỏi: Đăng ký sử dụng biên lai điện tử như thế nào?

Trả lời: Điều 34 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020 có quy định tổ chức thu các khoản phí, lệ phí trước khi sử dụng biên lai điện tử theo quy định thì thực hiện đăng ký sử dụng qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận đăng ký sử dụng biên lai điện tử và gửi thông báo theo mẫu quy định định sau khi nhận được đăng ký sử dụng biên lai điện tử để xác nhận việc nộp hồ sơ đăng ký sử dụng biên lai điện tử. Trong thời gian 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng biên lai điện tử, cơ quan thuế có trách nhiệm gửi Thông báo điện tử tới các đối tượng quy định về việc chấp nhận trong trường hợp đăng ký sử dụng biên lai điện tử hợp lệ, không có sai sót hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng biên lai điện tử không đủ điều kiện để chấp nhận hoặc có sai sót. Kể từ thời điểm sử dụng biên lai điện tử theo quy định tổ chức này phải thực hiện hủy những biên lai, chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy

định. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng biên lai điện tử ở chức thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước thực hiện thay đổi

thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế./.